TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1585/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường.
2. Bà Nguyễn Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 887/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn S, sinh năm: 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kiến T, sinh năm: 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2021, nguyên đơn ông Dương Văn S trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Kiến T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 do Uỷ ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là: tỉnh Nam Định) chứng nhận ngày 25/7/1989.

Thời gian đầu sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Hai người hiện đang sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 người con chung đã thành niên tên Dương Minh T1, sinh ngày 23/8/1990.

Về tài sản chung: Ông và bà T có 01 tài sản chung là căn nhà và đất có diện tích 30 m^2 tại địa chỉ: Số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà có giá trị khoảng 2.000.000.000 đồng, ông yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản trên, tương đương số tiền 1.000.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

* Tại Đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện ngày 22/02/2022, nguyên đơn ông Dương Văn S trình bày:

Ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia tài sản là căn nhà và đất có diện tích 30 m^2 tại địa chỉ: Số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

* Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Đỗ Thị Kiến T trình bày:

Bà xác nhận bà và ông S có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hiện mâu thuẫn gia đình đã ở mức trầm trọng, hai người đã không còn sống chung với nhau gần 04 năm nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện Tòa án phải phân xử giao căn nhà và đất có diện tích 30 m^2 tại địa chỉ số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh cho ai là người được quản lý và sử dụng.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung đã thành niên tên Dương Minh T1, sinh ngày 23/8/1990.

Về tài sản chung: Căn nhà và đất tại địa chỉ số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh do bà thuê của Công ty Công trình giao thông – đô thị và quản lý nhà Thủ Đức và hiện tại bà đang trực tiếp sử dụng, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng như ông S trình bày. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ về tài sản và giao tài sản này cho bà quản lý. Tuy nhiên, bà khẳng định bà chỉ trình bày ý kiến như vậy để cho Tòa án xem xét, bà sẽ không không làm đơn yêu cầu chia tài sản trong vụ án này theo yêu cầu của Tòa án.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên toà cùng lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn bà Đỗ Thị Kiến T có nơi cư trú tại số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tranh chấp về tài sản là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu trên theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn S và bà Đỗ Thị Kiến T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là: tỉnh Nam Định) chứng nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 25/7/1989. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn bà Đỗ Thị Kiến T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông S, bà T đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa ông S và bà Linh không tồn tại tình cảm vợ chồng, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình do hai người không còn sống chung với nhau. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn bà Đỗ Thị Kiến T.

- Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông S và bà T có 01 người con đã thành niên tên Dương Minh T1, sinh ngày 23/8/1990.

Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ về con chung.

- Về tài sản chung: Do ông S đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ giải quyết yêu cầu trên của ông S. Bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp về tài sản nhưng không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu trên của bà T.

- Về nợ chung: Ông S và bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Ông Dương Văn S thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn.

Ông Dương Văn S tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3,000,000 đồng và đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo Phiếu thu ngày 04/01/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn S.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn S về việc chia tài sản là căn nhà và đất có diện tích 30 m^2 tại địa chỉ: Số A Cư xá B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn S được ly hôn bà Đỗ Thị Kiến T.

- Về con chung: Ông Dương Văn S và bà Đỗ Thị Kiến T có 01 người con đã thành niên tên Dương Minh T1, sinh ngày 23/8/1990. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ về con chung.

- Về tài sản chung: Ông Dương Văn S và bà Đỗ Thị Kiến T được quyền khởi kiện trong một vụ án khác về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn khi một trong các bên có yêu cầu.

- Về nợ chung: Ông Dương Văn S và bà Đỗ Thị Kiến T xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Ông Dương Văn S thuộc đối tượng người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Văn S tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3,000,000 đồng và đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo Phiếu thu ngày 04/01/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Dương Văn S và bà Đỗ Thị Kiến T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày xét xử vụ án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**